

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HS-ST

Ngày: 29 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hoa

Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 215/2022/HSST ngày 28/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2022/QĐXXST-HS ngày 16/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Bùi Văn N**, sinh năm 1989 tại xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Bùi Văn L và con bà Đào Thị V; Có vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án số 90/2018/HS-ST ngày 06/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, phạt bổ sung 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

- Bản án số 55/2020/HS-ST ngày 14/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Chuyển hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 90/2018/HS-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên thành hình phạt 09 tháng tù giam, buộc N phải chấp hành hình phạt của cả 02 Bản án là 01 năm 09 tháng tù, phạt bổ sung 10.000.000 đồng. N đã chấp hành xong Bản án ngày 08/6/2022.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2022, hiện đang tạm bị giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Họ tên: **Bùi Văn T**, sinh năm 1992 tại xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Xóm T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn K (đã chết) và con bà Bùi Thị B; Có vợ: Bùi Thị T và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

3. Họ tên: **Trần Mạnh T1**, sinh năm 1989 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn K và con bà Lê Thị T; Vợ: Giáp Thị Minh H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Họ tên: **Lê Văn B**, sinh năm 1980 tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn B (đã chết) và con bà Đinh Thị X; Vợ: Lê Thị T và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

5. Họ tên: **Đỗ Thanh S**, sinh năm 1985 tại xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Văn Đ và con bà Nguyễn Thị C; Vợ: Lê Thị P và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

6. Họ tên: **Cà Văn H**, sinh năm 1985 tại xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Cà Văn K và con bà Vì Thị P (đã chết); Vợ: Lò Thị L và có 04 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

7. Họ tên: **Đỗ Phú T2**, sinh năm 1986 tại xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân

tộc: Kinh; Tôn giáo: Không Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Phú T và con bà Đoàn Thị C; Vợ: Lâm Thị Ngọc H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

8. Họ tên: **Hoàng Thị K** (Tên gọi khác: Hoàng Thị X), sinh năm 1967 tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Đình N (đã chết) và con bà Hoàng Thị N; Chồng: Hoàng Đình S và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

9. Họ tên: **Nguyễn Quốc Đ**, sinh năm 1982 tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Ngọc L và con bà Kiều Thị H; Vợ: Lê Thị Cát C và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 11/8/2022 đến ngày 17/8/2022, hiện tại ngoại (có mặt).

10. Họ tên: **Phạm Doãn H1**, sinh năm 1996 tại xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Doãn H và con bà Kiều Thị T; Có vợ: Lê Thị T và chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, hiện tại ngoại (có mặt).

11. Họ tên: **Nguyễn Đỗ M**, sinh năm 1978 tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N và con bà Trần Thị G (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Thu H và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 15/7/2022 đến ngày 21/7/2022, hiện tại ngoại (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ ngày 14/7/2022, tại khu vực vỉa hè trước cửa lán trại của công nhân tại công trường xây dựng nhà ở xã hội thuộc tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên phối hợp

với Công an thị trấn N, huyện V bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, bắt giữ được các đối tượng gồm: Trần Mạnh T1- sinh năm 1989, trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn B- sinh năm 1980, trú tại: thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Đỗ Phú T2- sinh năm 1986, trú tại: thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương; Hoàng Thị K (tên gọi khác: Hoàng Thị X)- sinh năm 1967, trú tại: thôn P, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; Đỗ Thanh S- sinh năm 1985, trú tại: thôn X, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội; Bùi Văn N- sinh năm 1989, trú tại: xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Cà Văn H- sinh năm 1985, trú tại: bản N, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; Bùi Văn T- sinh năm 1992, trú tại: xóm T, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nguyễn Đỗ M- sinh năm 1978, trú tại: khu N, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Khi lực lượng Công an đến bắt giữ, Nguyễn Quốc Đ- sinh năm 1982, trú tại: khu M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Phạm Doãn H1- sinh năm 1996, trú tại: thôn T1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội và một số đối tượng khác bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ khi bắt quả tang gồm: 01 chiếu xốp có hình hoa văn nhiều màu; 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa sứ có hoa văn màu xanh; 04 quân bài vị hình tròn, 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu vàng và Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 4.440.000 đồng.

Tạm giữ trên người các đối tượng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.200.000 đồng và 09 chiếc điện thoại di động các loại, cụ thể:

- Trần Mạnh T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng đã qua sử dụng, số Imei: 357204096659526;
- Nguyễn Đỗ M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Imei: 357751100763272;
- Đỗ Phú T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7 màu xanh đã qua sử dụng, số Imei: 867939047614152; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số seri: 355351040462481;
- Hoàng Thị K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi đã qua sử dụng, số Imei: 355429078433127;
- Bùi Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám đã qua sử dụng, số Imei: 35915607808035;
- Đỗ Thanh S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu xanh, số Imei: 865504061168949;

- Bùi Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9 màu xanh, số Imei: 860951041202907 và số tiền 9.100.000 đồng.

- Cà Văn H: 01 điện thoại di động Samsung màu đen, số Imei: 35298710133830 và số tiền 1.000.000 đồng.

- Lê Văn B: 100.000 đồng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu đen;

Ngày 11/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên giữ và bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Quốc Đ.

Ngày 17/8/2022, Phạm Doãn H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên đầu thú.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K, Đỗ Thanh S, Bùi Văn N, Cà Văn H, Bùi Văn T, Nguyễn Đỗ M và Phạm Doãn H1 cùng là công nhân làm việc tại công trường xây dựng nhà ở xã hội thuộc tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Hàng ngày, T1, B, T2, K, S, N, H, T, M, H1 ở và sinh hoạt tại khu lán trại dành cho công nhân tại công trường; Nguyễn Quốc Đ mở quán bán nước tại đó.

Khoảng hơn 20 giờ ngày 14/7/2022, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S và một số người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền tại khu vực trước cửa lán. B vào bên trong lán lấy 01 bát con và 01 đĩa bằng sứ mang ra để xóc cái, lấy chiếc chiếu bằng xốp có hoa văn nhiều màu ở trước quán nước của Đ trải trên vỉa hè (phía trước cửa lán) để ngồi đánh bạc; T1 lấy vỏ bao thuốc lá Thăng Long (mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng) cắt thành 04 hình tròn làm quân vị; S là người đứng ra cầm cái (xóc cái). Khi mọi người đang đánh bạc thì lần lượt Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K, Bùi Văn N, Cà Văn H, Bùi Văn T, Nguyễn Quốc Đ và Phạm Doãn H1 cùng một số người khác đến và tham gia đánh bạc cùng. Nguyễn Đỗ M đứng ngoài xem các đối tượng đánh bạc, tuy nhiên trong quá trình xem đánh bạc, M đã giúp một nam thanh niên lạ mặt (M không biết tên, tuổi và địa chỉ) đặt tiền để đánh bạc từ 02-03 lần với số tiền khoảng 300.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi các bị cáo và một số người đang đánh bạc thì lực lượng Công an bắt quả tang, Nguyễn Quốc Đ và Phạm Doãn H1 cùng một số người bỏ chạy thoát.

Trước khi đánh bạc, các bị cáo thống nhất về cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Khi đánh bạc, các đối tượng sử dụng 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn làm bằng vỏ bao thuốc lá thăng long, mỗi quân vị có một mặt

màu vàng và một mặt màu trắng. Trong mỗi ván chơi người cầm cái xóc cái, sau đó những người chơi tùy ý đặt tiền vào 1 trong 2 cửa gồm “cửa chắn” hoặc “cửa lẻ”, theo quy ước: phía bên phải người cầm cái là cửa chắn, phía bên trái người cầm cái là cửa lẻ. Mức đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, mức cao không hạn chế. Sau khi người chơi đặt tiền xong thì người cầm cái sẽ mở bát: Nếu 2 trong 4 quân vị hoặc cả 4 quân vị có mặt ngựa lên cùng màu thì những người đặt tiền ở cửa chắn sẽ thắng và được người cầm cái trả tiền bằng số tiền đã đặt, những người đặt tiền ở cửa lẻ sẽ thua và người cầm cái sẽ thu số tiền đã đặt của họ; nếu 1 hoặc 3 quân vị có mặt ngựa lên cùng màu thì người đặt tiền ở cửa lẻ thắng và được người cầm cái trả tiền bằng số tiền đã đặt, những người đặt tiền ở cửa chắn thua và người cầm cái sẽ thu số tiền đã đặt của họ.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Bùi Văn T có 3.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thắng bạc và cất số tiền thắng vào trong người. Số tiền 9.100.000 đồng cơ quan Công an thu giữ trên người T là tiền của T sử dụng vào việc đánh bạc và số tiền T thắng bạc.

Trần Mạnh T1 có 1.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T1 bị thua hết tiền.

Cà Văn H có 1.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H không thắng, không thua và vẫn để số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trên người, cơ quan Công an đã thu giữ.

Đỗ Thanh S có 1.000.000 đồng, sử dụng hết vào việc đánh bạc. Khi S cùng các bị cáo đánh bạc, S là người xóc cái. Trong quá trình đánh bạc, S mới đánh hết số tiền 300.000 đồng, còn lại 700.000 đồng S để trên chiếu bạc, Công an đã thu giữ.

Lê Văn B có 500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 400.000 đồng vào việc đánh bạc và bị thua hết. Số tiền 100.000 đồng Cơ quan Công an thu giữ trên người B, B không sử dụng vào việc đánh bạc.

Hoàng Thị K có 200.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, K bị thua hết tiền.

Bùi Văn N có 450.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc, bị thua hết tiền.

Đỗ Phú T2 có 750.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc và bị thua hết tiền.

Nguyễn Quốc Đ có 200.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc và bị thua hết tiền. Khi bỏ chạy, Đ không cầm theo tiền.

Phạm Doãn H1 có 160.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H1 bị thua hết số tiền trên nên khi bỏ chạy H1 không cầm theo tiền.

Ngoài ra, còn một số đối tượng khác tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, tuy nhiên các đối tượng này đã bỏ về trước hoặc bỏ chạy thoát khi Cơ quan Công an đến bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng do trời tối, có đông người, các bị cáo chỉ biết có Nguyễn Quốc Đ và Phạm Doãn H1 bỏ chạy thoát, còn lại không nhớ và không xác định được những người đã bỏ về trước và bỏ chạy thoát là ai nên không làm rõ được. Cơ quan điều tra đã tách những người này ra để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

Đối với số tiền 14.640.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và thu giữ trên người các bị cáo, trong đó có 4.440.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 9.100.000 đồng thu giữ trên người Bùi Văn T và 1.000.000 đồng thu giữ trên người Cà Văn H là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; số tiền 100.000 đồng thu giữ trên người Lê Văn B là tiền của B, không sử dụng vào việc đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo cùng một số đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ và chứng minh được là 14.540.000 đồng. Nguyễn Đỗ M không sử dụng tiền của mình vào việc đánh bạc nhưng M đã có hành vi giúp sức cho người khác đặt tiền tham gia đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 213/CT-VKS ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử đối với Bùi Văn N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Cà Văn H, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ M về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, đều thừa nhận hành vi đánh bạc đã nêu trong bản cáo trạng là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích

tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Điểm d Khoản 2 và Khoản 3 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 03 năm tù đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

2. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 11 tháng tù đến 13 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T1 11 tháng tù đến 13 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

4. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn B 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

5. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh S 12 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bị cáo 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Cà Văn H 09 tháng tù đến 11 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

7. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Phú T2 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo; thời gian thử thách

là 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

8. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X) 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), mỗi tháng khấu trừ 300.000 đồng đến 400.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

9. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ, mỗi tháng khấu trừ 500.000 đồng đến 600.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

10. Áp dụng Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Doãn H1 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Doãn H1, mỗi tháng khấu trừ 400.000 đồng đến 500.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng đến 11 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

11. Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ M 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đỗ M.

- Không phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đỗ M.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 14.540.000 đồng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu xóp có hoa văn nhiều màu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài vị được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

- Trả lại cho các bị cáo: Trần Mạnh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng; Nguyễn Đỗ M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia

màu đen; Đỗ Phú T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; Hoàng Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi; Bùi Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám; Đỗ Thanh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu xanh; Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9 màu xanh; Nguyễn Quốc Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu đen; Lê Văn B 100.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án; Trả lại Cà Văn H 01 điện thoại di động Samsung màu đen

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là hợp pháp, không có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bị cáo Nguyễn Đỗ M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đã có lời khai tại cơ quan có trong hồ sơ vụ án, việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Đỗ M.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã đánh bạc tối ngày 14/7/2022 tại khu vực vỉa hè trước cửa lán trại của công nhân như nội dung nêu trong bản cáo trạng là đúng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 14/7/2022, tại khu vực vỉa hè trước cửa lán trại của công nhân tại công trường xây dựng nhà ở xã hội thuộc tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Bùi Văn N, Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Cà Văn H, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ Mười cùng một số đối tượng khác có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Các bị cáo và một số đối tượng đánh bạc từ khoảng 20 giờ đến khoảng 23 giờ ngày 14/7/2022 thì bị Công an huyện Việt Yên phối hợp với Công an thị trấn N, huyện V bắt quả tang, thu giữ tiền, công cụ, dụng cụ sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo

và các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc thu giữ và chứng minh được là 14.540.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm hại trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, hạnh phúc gia đình, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 14.540.000 đồng, bị cáo Bùi Văn N lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” nên Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Bùi Văn N phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Cà Văn H, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ M phạm vào tội “Đánh bạc”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về vai trò: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm Đánh bạc dưới hình thức đánh “Xóc đĩa”, không có sự câu kết chặt chẽ nên các bị cáo đồng phạm tội thuộc trường hợp giản đơn.

Bị cáo Đỗ Thanh S và Bùi Văn T có vai trò cao nhất vì Đỗ Thanh S là người xóc cái, Bùi Văn T sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc (3.500.000 đồng); tiếp theo là Trần Mạnh T1, Cà Văn H và Lê Văn B vì T1 và H đều sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc, B chuẩn bị công cụ phạm tội; tiếp theo là Đỗ Phú T2 (có 750.000 đồng) và Bùi Văn N; tiếp theo là Hoàng Thị K, Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1, Nguyễn Đỗ M vì có số tiền sử dụng đánh bạc ít nhất, M không sử dụng tiền của mình vào việc đánh bạc nhưng có hành vi giúp sức cho người khác đặt tiền tham gia đánh bạc.

- Về nhân thân: Bị cáo Bùi Văn N có nhân thân xấu vì đã bị kết án chưa được xóa án tích. Các bị cáo khác có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này các bị cáo này chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào, chấp hành tốt pháp luật và quy định của địa phương.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Cà Văn H, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K, Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo H1 ra đầu thú nên các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Bùi Văn N đã hai bị kết án về tội “Đánh bạc”, bị cáo không lấy đó là bài học để rèn luyện hoàn lương lại tiếp tục phạm tội Đánh bạc nên cần phân hóa, áp dụng hình phạt tù có thời hạn xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Các bị cáo Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Cà Văn H, Đỗ Phú T2 đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đều đủ điều kiện hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Hoàng Thị K, Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ M đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thứ yếu nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo này và hàng tháng khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo, mỗi bị cáo từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Riêng bị cáo Nguyễn Đỗ M bị ốm đau bệnh tật,

là người giúp sức không trực tiếp tham gia đánh bạc nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Cà Văn H thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đỗ M bị ốm đau bệnh tật, là người giúp sức không trực tiếp tham gia đánh bạc nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Các bị cáo khác phạm tội vì động cơ thu lời bất chính, không thuộc hộ nghèo, cận nghèo cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 14.540.000 đồng là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

Đối với 09 chiếc điện thoại di động các loại thu giữ trên người các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án, trừ điện thoại của bị cáo Cà Văn H.

Đối với 01 chiếc chiếu xóp có hoa văn nhiều màu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân bài vị được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long là phương tiện, dụng cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy,

Đối với 100.000 đồng thu giữ của Lê Văn B không sử dụng để đánh bạc cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo Cà Văn H thuộc diện hộ nghèo cần miễn án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo khác phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ Điểm d Khoản 2 và Khoản 3 Điều 321, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/7/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.2 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 11 (Mười

một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 (Hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 12 (Mười hai) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Bùi Văn Tiền cho UBND xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Mạnh T1 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Trần Mạnh T1 cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn B 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Lê Văn B cho UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.5 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh S 11 (Mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (Hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 12 (Mười hai) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Đỗ Thanh S cho UBND xã X, huyện S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.6 Căn cứ Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Cà Văn H 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

- Giao bị cáo Cà Văn H cho UBND xã P, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.7 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Phú T2 08 (Tám)

tháng tù về tội “Đánh bạc”, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Đỗ Phú T2 cho UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.8 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X) 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã được giao giám sát, giáo dục nhận quyết định, hồ sơ thi hành bản án đối với bị cáo, được trừ vào 06 ngày bị tạm giữ (từ 15/7/2022 đến 21/7/2022), cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), mỗi tháng khấu trừ 300.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X) cho UBND xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.9 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã được giao giám sát, giáo dục nhận quyết định, hồ sơ thi hành bản án đối với bị cáo, được trừ vào 06 ngày bị tạm giữ (từ 11/8/2022 đến 17/8/2022), cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ, mỗi tháng khấu trừ 400.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Nguyễn Quốc Đ cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.10 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Doãn H1 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã được giao giám sát, giáo dục nhận quyết định, hồ sơ thi hành bản án đối với bị cáo.

- Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Doãn H1, mỗi tháng khấu trừ 400.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

- Giao bị cáo Phạm Doãn H1 cho UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Phạt bổ sung bị cáo 10 (Mười) triệu đồng sung quỹ nhà nước.

1.11 Căn cứ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ M 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã được giao giám sát, giáo dục nhận quyết định, hồ sơ thi hành bản án đối với bị cáo, được trừ vào 06 ngày bị tạm giữ (từ 15/7/2022 đến 21/7/2022), cứ 01 ngày bị tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đỗ M.

- Giao bị cáo Nguyễn Đỗ M cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 14.540.000 đồng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu xộp có hoa văn nhiều màu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quần bài vị được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

- Trả lại cho các bị cáo: Trần Mạnh T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng; Nguyễn Đỗ M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; Đỗ Phú T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A7 màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; Hoàng Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi; Bùi Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám; Đỗ Thanh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu

xanh; Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9 màu xanh; Nguyễn Quốc Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus màu đen; Lê Văn B 100.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án; Trả lại Cà Văn H 01 điện thoại di động Samsung màu đen.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn H; Các bị cáo: Bùi Văn N, Bùi Văn T, Trần Mạnh T1, Lê Văn B, Đỗ Thanh S, Đỗ Phú T2, Hoàng Thị K (tên gọi khác Hoàng Thị X), Nguyễn Quốc Đ, Phạm Doãn H1 và Nguyễn Đỗ M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an, CQ CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- T.H.A HS (4 bản);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc